

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2022

“V/v Tranh chấp Ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTLT.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông BVK;

Ông LPS.

- Thư ký phiên tòa: Bà BTHT – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01/4/2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTYT, sinh năm 1991 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 694, ấp An Thái, xã An Khánh, huyện CT, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh TMT, sinh năm 1990 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp ĐT C, xã ĐT, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2022, nguyên đơn chị NTYT trình bày: Vào tháng 5 năm 2016 chị NTYT và anh TMT quen biết tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn số 33, ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, thị xã BM, tỉnh VL. Trong quá trình chung sống

giữa chị T và anh T có 01 người con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017, hiện bé sống chung với chị T. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và nợ chung.

Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị NTYT yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị NTYT yêu cầu ly hôn anh TMT.

+ Về con chung: Chị NTYT yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con .

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 và biên bản hòa giải ngày 29 tháng 4 năm 2022, anh TMT trình bày: Anh T và chị NTYT quen nhau hơn ba năm và tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017. Mâu thuẫn vợ chồng do chị T yêu cầu mở tiệm bánh nhưng anh T không đồng ý, vì hiện tại anh T đang kinh doanh chim cảnh nên chị T giận hờn dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến nay.

Việc chị NTYT có đơn yêu cầu ly hôn thì anh T có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị NTYT, yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung.

+ Về con chung: Không đồng ý giao con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017 cho chị NTYT nuôi dưỡng. Trường hợp chị NTYT cương quyết xin ly hôn thì anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được quyền nuôi con chung tên TĐK và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Bị đơn trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị T cương quyết xin ly hôn nên anh T đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

+ Về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thị xã BM (theo xác nhận đề ngày 24/02/2022 của Công an xã ĐT), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị NTYT và anh TMT được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị NTYT và anh TMT thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời tại phiên tòa, anh T đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị NTYT và anh TMT có một người con chung tên TĐK, sinh ngày 11/10/2017.

Xét yêu cầu của chị NTYT yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên TĐK, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên TĐK và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 96/2022/QĐ-CCTLCC, ngày 29 tháng 4 năm 2022 yêu cầu chị T và anh T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con.

Chị T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con gồm:

- Bảng chi tiết lương của chị T tháng 01, 02 và 03 năm 2022;

- Đơn xác nhận bé TĐK hiện đang theo học tại lớp Chồi 3, trường mẫu giáo An Khánh;

- Đơn xác nhận chị T hiện đang làm tại bưu điện huyện CT, tỉnh ĐT;

- Hợp đồng tặng cho tài sản là:

+ Sổ tiết kiệm số 6856374 của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Chi nhánh ĐT – Phòng giao dịch CT ký ngày 10/5//2021 với số tài khoản: 03578778005 số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*);

+ Sổ tiết kiệm số 6595884 của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Chi nhánh ĐT – Phòng giao dịch CT ký ngày 07/4/2022 với số tài khoản: 035787780007 số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*);

+ Văn bản thỏa thuận đề ngày 16/5/2022;

+ Bản tự khai của ông NVS đề ngày 16/5/2022;

+ Bản tự khai của bà NKL đề ngày 16/5/2022;

Anh T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi con gồm:

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

Qua các tài liệu chứng cứ các đương sự đã cung cấp cho Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Chị T và anh T cùng có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên cần xem xét cha hay mẹ của bé Khoa có đủ điều kiện chăm sóc bé phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần.

Đối với chị T làm việc tại Bưu điện huyện CT tỉnh DT có mức lương ổn định khoảng 9.000.000đồng đến 10.000.000 đồng/tháng và chị T có khoản tiền tiết kiệm do cha mẹ ruột tặng cho cá nhân là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) nên chị T có nguồn thu nhập, nguồn tiết kiệm ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng bé Khoa. Đồng thời bé Khoa hiện đang theo học tại trường mẫu giáo An Khánh và việc đưa rước bé có ông NVS và bà NKL (ông bà ngoại của bé) hỗ trợ chị T chăm sóc bé.

Đối với anh T có cơ sở kinh doanh và mức thu nhập từ buôn bán chim cảnh khoảng 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng/tháng, thu nhập từ việc cho thuê dàn nhạc sống khoảng 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng/tháng. Thu nhập của anh T tương đối cao nhưng phụ thuộc thời vụ nên không đảm bảo thu nhập ổn định để nuôi dưỡng bé.

Bên cạnh đó cần xem xét bé Khoa mới 04 tuổi 06 tháng 07 ngày hiện bé còn rất nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo của người mẹ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét giao bé TĐK, sinh ngày 11/10/2017 cho chị NTYT trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị NTYT là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51 và Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị NTYT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NTYT và anh TMT thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Giao bé TĐK, sinh ngày 11/10/2017 cho chị NTYT trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh TMT được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết.
4. Về án phí: Chị NTYT phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012535, ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

BVK – LPS

NTLT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân xã ĐT: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

NTLT